

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	09 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Mai Văn Bình	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thúy Hiền	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Ủy viên
Bà Mai Thị Thanh Hà	Ủy viên
Bà Trần Thị Thanh Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thành Sơn	Giám đốc điều hành
Ông Trần Xuân Cảnh	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Trần Thành Sơn

Giám đốc điều hành

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2012

Phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ

Tôi, Mai Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,

Mai Văn Bình

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2012

Số: /2012/BCTC-VAHP

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 của Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31/7/2012, từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và trang 03, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Nguyễn Thị Hoa
Phó Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0804/KTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Ngày 06 tháng 8 năm 2012

Vũ Hoài Nam
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1436/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B01a-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		24.227.915.168	30.238.220.373
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	228.618.920	8.913.212.941
1. Tiền	111		228.618.920	2.713.212.941
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	6.200.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.205.155.652	9.780.868.618
1. Phải thu khách hàng	131		6.187.061.955	9.724.935.260
2. Trả trước cho người bán	132		-	22.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	6	18.093.697	33.933.358
IV- Hàng tồn kho	140		17.582.601.005	11.395.053.756
1. Hàng tồn kho	141	7	17.582.601.005	11.395.053.756
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		211.539.591	149.085.058
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	29.040.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		211.539.591	120.045.058
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		4.288.751.471	4.475.568.201
II- Tài sản cố định	220		4.288.751.471	4.469.588.201
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.704.154.757	1.846.125.371
- Nguyên giá	222		15.404.587.667	15.399.721.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.700.432.910)	(13.553.595.776)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	2.584.596.714	2.623.462.830
- Nguyên giá	228		3.355.441.291	3.355.441.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(770.844.577)	(731.978.461)
V- Tài sản dài hạn khác	260		-	5.980.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	5.980.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		28.516.666.639	34.713.788.574

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Mẫu số B01a-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	01/01/2012
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		8.221.479.158	12.532.710.522
I- Nợ ngắn hạn	310		8.221.479.158	12.532.710.522
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	497.789.200	6.589.146.080
2. Phải trả người bán	312		6.612.750.163	4.714.506.643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	440.593.139	379.950.529
5. Phải trả người lao động	315		184.925.415	377.582.654
6. Chi phí phải trả	316		-	40.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	57.543.648	26.247.023
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		427.877.593	405.277.593
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		20.295.187.481	22.181.078.052
I- Vốn chủ sở hữu	410		20.295.187.481	22.181.078.052
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	15.350.000.000	15.350.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414	13	(1.499.786.780)	(1.499.786.780)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	13	3.708.935.761	2.205.447.789
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	13	1.001.179.071	601.179.071
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13	1.734.859.429	5.524.237.972
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400)	440		28.516.666.639	34.713.788.574

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2012
Giám đốc điều hành

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc

Trần Thành Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

Mẫu số B02a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	24.847.515.000	24.881.358.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	24.847.515.000	24.881.358.110
4. Giá vốn hàng bán	11	15	22.445.755.143	20.954.958.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.401.759.857	3.926.399.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	279.096.061	204.206.745
7. Chi phí tài chính	22	17	110.483.500	185.040.668
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		110.483.500	185.040.668
8. Chi phí bán hàng	24		237.474.182	391.495.625
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		520.786.570	432.198.077
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		1.812.111.666	3.121.871.997
11. Thu nhập khác	31	18	72.727.273	-
12. Chi phí khác	32	19	9.773.800	1.797.901
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		62.953.473	(1.797.901)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.875.065.139	3.120.074.096
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	134.225.710	262.096.823
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	5.980.000	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.734.859.429	2.857.977.273
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	1.215	2.001

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2012
 Giám đốc điều hành

Nguyễn Thị Ngọc

Trần Thành Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

Mẫu số B03a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.875.065.139	3.120.074.096
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	8,9	215.345.821	201.024.080
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	16	(29.823.080)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	16,18	(297.196.154)	(114.975.145)
- Chi phí lãi vay	06	17	110.483.500	185.040.668
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.873.875.226	3.391.163.699
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.484.218.433	845.936.666
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.187.547.249)	4.746.430.810
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.722.408.519	(389.210.354)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		29.040.000	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(110.483.500)	(203.499.621)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(73.396.433)	(231.523.510)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(27.400.000)	(14.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		710.714.996	8.144.497.690
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	8	(34.509.091)	(143.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	18	72.727.273	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16	224.468.881	114.975.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		262.687.063	(28.024.855)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8.663.716.408	9.689.335.075
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.750.962.488)	(11.695.354.450)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	13	(3.570.750.000)	(3.570.625.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.657.996.080)	(5.576.644.375)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.684.594.021)	2.539.828.460
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	8.913.212.941	34.779.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	228.618.920	2.574.607.732

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu giai đoạn hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012.

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2012
 Giám đốc điều hành

Nguyễn Thị Ngọc

Trần Thành Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

MẪU SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì PP Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000049 ngày 24/7/2002, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần nhất ngày 14/7/2003, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 05/10/2004, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 18/01/2006, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 06/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ: 15.350.000.000 VND.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh và in các loại bao bì nhựa, bao bì giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành bao bì;
- Cho thuê nhà xưởng.

Địa chỉ: Lô 89, Đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần I, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12. Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 là một giai đoạn của kỳ kế toán năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MÃ SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền

Tiền: phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 30/6/2012, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

4.3 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày phát sinh, cộng (+) mức dự phòng rủi ro biến động (tùy thuộc đánh giá chủ quan của Công ty). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Công nợ bằng ngoại tệ (các khoản mục tiền tệ) được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào Chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 30/6/2012 là 20.828 VND/USD, tại ngày 31/12/2011 là 20.828 VND/USD.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm hàng quý theo phương pháp giản đơn.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MÃ SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản cố định	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20
Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03
Dụng cụ quản lý	03 - 04

4.6 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí bỏ ra để có được quyền sử dụng 4.823 m² đất tại lô 89, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương trong 43 năm 02 tháng kể từ ngày 09/8/2002 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 261 QSDĐ/2002 cấp ngày 06/9/2002. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng của lô đất, phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh và được phản ánh trên chỉ tiêu chi phí tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

4.8 Dự phòng phải trả

Công ty không trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp của các cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm cả giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại.

Lợi nhuận sau thuế năm 2011 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09/4/2012, cụ thể: chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, tương ứng 3.570.750.000 VND, trích quỹ dự phòng tài chính 400.000.000 VND, trích quỹ đầu tư phát triển 1.503.487.972 VND, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 50.000.000 VND.

4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MẪU SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi và chênh lệch tỷ giá. Cụ thể:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- + Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản thu nhập từ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30/6/2012.

4.11 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là lãi tiền vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của các năm trước theo Biên bản kiểm tra thuế.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu (từ năm 2003 đến hết năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến hết năm 2012), thuế suất ưu đãi áp dụng là 15% trong thời gian miễn, giảm.

Năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội và Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/7/2012 của Chính phủ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 Bên liên quan

Công ty Cổ phần Bao bì PP, Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch và Công ty có chung các thành viên quản lý chủ chốt. Theo đó, Công ty Cổ phần Bao bì PP và Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch được coi là các bên liên quan của Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MẪU SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	171.001.828	40.735.803
Tiền gửi ngân hàng	57.617.092	2.672.477.138
Các khoản tương đương tiền	-	6.200.000.000
Cộng	228.618.920	8.913.212.941

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu cơ quan BHXH	7.638.386	22.988.386
Phải thu khác	10.455.311	10.944.972
Cộng	18.093.697	33.933.358

7. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.243.828.979	7.652.338.128
Công cụ, dụng cụ	51.776.874	68.699.249
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.477.364.986	2.603.350.682
Thành phẩm	809.630.166	1.070.665.697
Cộng	17.582.601.005	11.395.053.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MẪU SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2012	2.873.182.720	11.881.612.411	626.460.561	18.465.455	15.399.721.147
Mua sắm	-	-	-	34.509.091	34.509.091
Thanh lý, nhượng bán	-	29.642.571	-	-	29.642.571
Số dư tại 30/6/2012	2.873.182.720	11.851.969.840	626.460.561	52.974.546	15.404.587.667
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	1.504.044.581	11.494.000.179	537.085.561	18.465.455	13.553.595.776
Khấu hao trong kỳ	62.233.552	67.641.483	44.687.500	1.917.170	176.479.705
Thanh lý, nhượng bán	-	29.642.571	-	-	29.642.571
Số dư tại 30/6/2012	1.566.278.133	11.531.999.091	581.773.061	20.382.625	13.700.432.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2012	1.369.138.139	387.612.232	89.375.000	-	1.846.125.371
Số dư tại 30/6/2012	1.306.904.587	319.970.749	44.687.500	32.591.921	1.704.154.757

30/6/2012 (VND)

	Nguyên giá	Giá trị còn lại
TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng	12.230.156.497	-
TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	10.986.034.455	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2012	3.355.441.291	3.355.441.291
Số dư tại 30/6/2012	3.355.441.291	3.355.441.291
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại 01/01/2012	731.978.461	731.978.461
Khấu hao trong kỳ	38.866.116	38.866.116
Số dư tại 30/6/2012	770.844.577	770.844.577
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2012	2.623.462.830	2.623.462.830
Số dư tại 30/6/2012	2.584.596.714	2.584.596.714

30/6/2012 (VND)

	Nguyên giá	Giá trị còn lại
TSCĐ đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay	3.355.441.291	2.584.596.714

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MẪU SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương	497.789.200	6.589.146.080
Cộng	497.789.200	6.589.146.080

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 003AA12 ngày 25/4/2012:

Hạn mức cho vay	:	460.000 USD
Mục đích sử dụng	:	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì nhựa các loại
Thời hạn cho vay	:	06 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần vay vốn
Lãi suất cho vay	:	Theo thông báo của ngân hàng tại thời điểm rút vốn và cố định cho giấy nhận nợ
Lãi suất nợ gốc quá hạn	:	150% lãi suất trong hạn
Lãi suất nợ lãi quá hạn	:	3% so với số nợ lãi quá hạn
Trả gốc	:	Trả theo kỳ hạn từng giấy nhận nợ
Trả lãi vay	:	Từ ngày 26 đến ngày cuối tháng, hàng tháng

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	440.593.139	379.763.862
Thuế thu nhập cá nhân	-	186.667
Cộng	440.593.139	379.950.529

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	45.949.359	18.762.622
Bảo hiểm xã hội	11.594.289	7.484.401
Cộng	57.543.648	26.247.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MẪU SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.052.869.210	501.179.071	3.903.328.579
Tăng trong năm trước	-	-	152.578.579	100.000.000	5.524.237.972
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	3.903.328.579
Số dư cuối năm trước	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.205.447.789	601.179.071	5.524.237.972
Số dư đầu kỳ này	15.350.000.000	(1.499.786.780)	2.205.447.789	601.179.071	5.524.237.972
Tăng trong kỳ này	-	-	1.503.487.972	400.000.000	1.734.859.429
Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	5.524.237.972
Số dư cuối kỳ này	15.350.000.000	(1.499.786.780)	3.708.935.761	1.001.179.071	1.734.859.429

CỔ PHIẾU

	30/06/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.535.000	1.535.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.535.000	1.535.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.535.000</i>	<i>1.535.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	106.700	106.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>106.700</i>	<i>106.700</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.428.300	1.428.300
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.428.300</i>	<i>1.428.300</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
	đến 30/6/2012	đến 30/6/2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ	5.524.237.972	3.903.328.579
Tăng trong kỳ	1.734.859.429	2.857.977.273
Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	1.734.859.429	2.857.977.273
Giảm trong kỳ	5.524.237.972	3.903.328.579
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Hội đồng quản trị	50.000.000	80.000.000
Trích quỹ dự phòng tài chính	400.000.000	100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	1.503.487.972	152.578.579
Chia cổ tức	3.570.750.000	3.570.750.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.734.859.429	2.857.977.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MÃ SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. DOANH THU

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.847.515.000	24.881.358.110
Doanh thu bán thành phẩm	17.058.998.000	22.489.203.998
Doanh thu bán phế liệu, vật tư, hàng hóa	7.788.517.000	2.392.154.112
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.847.515.000	24.881.358.110

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15.804.987.237	19.233.289.288
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	6.640.767.906	1.721.669.200
Cộng	22.445.755.143	20.954.958.488

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi	224.468.881	114.975.145
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.804.100	89.231.600
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.823.080	-
Cộng	279.096.061	204.206.745

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền vay	110.483.500	185.040.668
Cộng	110.483.500	185.040.668

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MÃ SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	72.727.273	-
Cộng	72.727.273	-

19. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí khác	9.773.800	1.797.901
Cộng	9.773.800	1.797.901

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	1.875.065.139	3.120.074.096
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.797.901
Chi phí không được trừ	-	1.797.901
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	23.920.000	-
Lỗi tỷ giá chưa thực hiện năm trước chuyển sang	23.920.000	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4) = (1)+(2)-(3)	1.851.145.139	3.121.871.997
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động được ưu đãi (4a)	1.551.198.200	2.962.121.008
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động không được ưu đãi (4b)	299.946.939	159.750.989
Thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi (5a) = (4a)*15%*50%	116.339.865	222.159.076
Thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi (5b) = (4b)*25%	74.986.735	39.937.747
Tỷ lệ được giảm theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 (6)	30%	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay (7)	297.090	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (8) = [(5a)+(5b)]*[100%-(6)]+(7)	134.225.710	262.096.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MÃ SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.980.000	-
Cộng	5.980.000	-

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	1.734.859.429	2.857.977.273
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)	1.734.859.429	2.857.977.273
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (3)	1.428.300	1.428.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (4=2/3)	1.215	2.001

23. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán tại ngày 30/6/2012 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012.

24. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với bên liên quan	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
Công ty Cổ phần Bao bì PP		
Bán hàng	7.143.840.000	-
Bán tài sản cố định	80.000.000	-
Mua hàng	7.530.930.000	21.059.324
Trả tiền	800.000.000	1.600.000.000
Bù trừ công nợ	7.223.840.000	-
Trả tiền vay ngắn hạn	-	1.000.000.000
Trả lãi vay ngắn hạn	-	9.777.778
Cho vay vật tư	-	3.250.100.382
Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch		
Bán hàng	459.939.150	188.265.000
Thu tiền	200.000.000	162.558.000
Mua hàng	309.595.000	1.383.037.557
Trả tiền	150.000.000	50.000.000
Bù trừ công nợ	259.939.150	188.265.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

MÃ SỐ B09a-DN

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Số dư với bên liên quan	30/6/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bao bì PP		
Phải trả người bán	2.711.308.885	3.204.218.885
Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch		
Phải trả người bán	620.620	100.964.770

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú, được trình bày lại một số chỉ tiêu cho phù hợp với số liệu của giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012.

Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2012
Giám đốc điều hành

Nguyễn Thị Ngọc

Trần Thành Sơn